

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ VIETINBANK AVIVA

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ VIETINBANK AVIVA

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Các chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính của Công ty	2
Báo cáo của Ban Điều hành	3
Báo cáo kiểm toán	4 - 5
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DNBH)	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DNBH)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DNBH)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DNBH)	10 - 23

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ VIETINBANK AVIVA

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận Đầu tư

Số 64GP/KDBH cấp ngày 29 tháng 7 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đầu tư do Bộ Tài chính cấp có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày cấp.

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Đức Thành

Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2013)

Ông Võ Minh Tuấn

Chủ tịch (từ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2013)

Bà Nguyễn Hồng Vân

Thành viên

Ông Christopher Teo Sze Teck

Thành viên (từ nhiệm ngày 31 tháng 1 năm 2013)

Ông Chang Wen Wei

Thành viên

Ban Điều hành

Ông Chang Wen Wei

Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2013)

Ông Christopher Teo Sze Teck

Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 31 tháng 1 năm 2013)

Ông Dương Quang Khánh

Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Chang Wen Wei

Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2013)

Ông Christopher Teo Sze Teck

Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 31 tháng 1 năm 2013)

Trụ sở chính

Tầng 10, Tháp B, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ VIETINBANK AVIVA

CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

	2012	2011
1. Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Cơ cấu tài sản		
- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn/Tổng tài sản (%)	56,03	1,99
- Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn/Tổng tài sản (%)	43,97	98,01
1.2 Cơ cấu nguồn vốn		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)	2,57	2,69
- Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn (%)	97,43	97,31
2. Tính thanh khoản		
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	38,96:1	37,11:1
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	58,85:1	62,78:1
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (lần)	51,99:1	61,87:1
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu		
- Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu (%)	43,98	59,48
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (%)	32,65	44,61
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản		
- Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản (%)	5,34	4,48
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	3,96	3,36
3.3 Tỷ suất lợi nhuận trên nguồn vốn chủ sở hữu		
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	4,07	3,45

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ VIETINBANK AVIVA

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm soạn lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.


Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các số sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 6 đến trang 23. Các báo cáo tài chính này thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của niên độ tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Điều hành




Ông Wenhí Lu
TƯQ. Tổng Giám đốc
Chuyên gia tính toán

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2013



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ VIETINBANK AVIVA

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietinbank Aviva (“Công ty”) được Ban Điều hành phê duyệt ngày 26 tháng 3 năm 2013. Các báo cáo tài chính này bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 23.

Trách nhiệm của Ban Điều hành đối với các báo cáo tài chính

Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các yêu cầu đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

PricewaterhouseCoopers (Vietnam) Ltd.

16th Floor, Keangnam Hanoi Landmark 72, Pham Hung Road, Tu Liem District, Hanoi, Vietnam

T: +84 4 3946 2246, F: +84 4 3946 0705, www.pwc.com/vn



Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.



Nguyễn Phi Lan
Số chứng chỉ KTV: 0573/KTV
Chữ ký ủy quyền

Phan Hồ Giang
Số chứng chỉ KTV: 0438/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam
Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HAN 925
Ngày 26 tháng 3 năm 2013

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ VIETINBANK AVIVA

Mẫu số B 01 – DNBH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2012 VNĐ	2011 VNĐ
100	TÀI SẢN VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN		389.766.010.164	834.574.449.956
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	260.969.690.061	822.367.236.235
111	Tiền mặt		38.072.000	16.562.000
112	Tiền gửi tại ngân hàng		2.672.374.311	2.350.674.235
113	Các khoản tương đương tiền		258.259.243.750	820.000.000.000
120	Đầu tư ngắn hạn	4	83.400.000.000	-
128	Các khoản đầu tư ngắn hạn khác		83.400.000.000	-
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		44.056.127.353	10.353.871.381
131	Phải thu khách hàng	5	34.994.655.119	8.675.333.333
138	Các khoản phải thu khác	6	9.061.472.234	1.678.538.048
150	Tài sản ngắn hạn khác		1.340.192.750	1.853.342.340
151	Tạm ứng	7	66.475.000	758.211.550
152	Chi phí trả trước ngắn hạn	8	1.135.542.000	1.070.968.140
154	Cầm cố, ký quỹ ngắn hạn		138.175.750	24.162.650
200	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN		496,726,148,808	16.975.050.164
210	Tài sản cố định		8.238.601.877	3.995.630.164
211	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	5.375.143.329	1.423.684.100
212	Nguyên giá		6.880.448.138	1.681.036.806
213	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.505.304.809)	(257.352.706)
217	Tài sản cố định vô hình	9(b)	2.863.458.548	2.571.946.064
218	Nguyên giá		4.095.131.899	2.589.198.899
219	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.231.673.351)	(17.252.835)
220	Các khoản đầu tư dài hạn	10	475.503.126.931	-
221	Đầu tư trái phiếu dài hạn		75.503.126.931	-
228	Các khoản đầu tư dài hạn khác		400.000.000.000	-
240	Các khoản ký quỹ dài hạn		12.984.420.000	12.979.420.000
241	Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc	11	12.000.000.000	12.000.000.000
242	Cầm cố, ký quỹ dài hạn khác		984.420.000	979.420.000
270	TỔNG TÀI SẢN		886.492.158.972	851.549.500.120

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ VIETINBANK AVIVA

Mẫu số B 01 – DNBH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2012 VNĐ	2011 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		22.753.111.713	22.948.147.112
310	Nợ ngắn hạn		6.623.463.451	13.292.630.482
313	Phải trả người bán	12	3.422.781.931	1.553.291.104
315	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.715.756.871	9.908.454.654
318	Các khoản phải trả ngắn hạn khác		1.484.924.649	1.830.884.724
330	Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	14	5.013.616.507	7.175.800
331	Dự phòng phí chưa được hưởng		57.349.000	-
332	Dự phòng toán học		4.466.549.979	-
333	Dự phòng bồi thường		9.306.789	-
336	Dự phòng đảm bảo cân đối		480.410.739	7.175.800
340	Các khoản nợ khác		11.116.031.755	9.648.340.830
341	Chi phí phải trả	15	11.116.031.755	9.648.340.830
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		863.739.047.259	828.601.353.008
410	Nguồn vốn, quỹ		863.739.047.259	828.601.353.008
411	Nguồn vốn kinh doanh	16,17	800.000.000.000	800.000.000.000
416	Quỹ dự trữ bắt buộc	17	3.186.952.363	1.430.067.650
418	Lợi nhuận chưa phân phối	17	60.552.094.896	27.171.285.358
430	TỔNG NGUỒN VỐN		886.492.158.972	851.549.500.120

Bà Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Ông Dương Quang Khánh
Phó Tổng Giám đốc



Ông Wenyi Lu
TUQ. Tổng Giám đốc
Chuyên gia tính toán
Ngày 26 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ VIETINBANK AVIVA

Mẫu số B 02 – DNBH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Từ 1.1.2012 đến 31.12.2012 VNĐ	Từ 29.7.2011 đến 31.12.2011 VNĐ
01	Thu phí bảo hiểm gốc	11.713.285.000	143.516.000
04	Phí nhượng tái bảo hiểm	(50.665.739)	(2.390.000)
06	Phí bảo hiểm hoàn lại	(113.060.000)	-
08	Tăng dự phòng toán học và dự phòng phí chưa được hưởng	(4.523.898.979)	-
09	Hoa hồng tái bảo hiểm	25.577.017	-
12	Thu nhập khác từ hoạt động bảo hiểm	1.200.000	-
14	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	7.052.437.299	141.126.000
23	Tăng dự phòng bồi thường	(9.306.789)	-
25	Chi phí bảo hiểm khác	(1.043.609.200)	(13.718.000)
41	Tổng chi phí bảo hiểm	(1.052.915.989)	(13.718.000)
42	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	5.999.521.310	127.408.000
43	Chi phí bán hàng	(19.330.093.263)	(4.113.065.349)
44	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(39.879.711.575)	(21.851.506.027)
45	Lỗ thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(53.210.283.528)	(25.837.163.376)
46	Doanh thu hoạt động tài chính	100.221.646.554	63.977.754.731
47	Chi phí tài chính	(20.704.325)	-
51	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	100.200.942.229	63.977.754.731
54	Thu nhập khác	332.835.239	1.721.789
55	Lợi nhuận gộp	47.323.493.940	38.142.313.144
58	Dự phòng đảm bảo cân đối	(473.234.939)	(7.175.800)
59	Lợi nhuận trước thuế	46.850.259.001	38.135.137.344
60	Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	(11.712.564.750)	(9.533.784.336)
61	Lợi nhuận sau thuế	35.137.694.251	28.601.353.008

Bà Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Ông Dương Quang Khánh
Phó Tổng Giám đốc




Ông Wenyi Lu
TUQ. Tổng Giám đốc
Chuyên gia tính toán
Ngày 26 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Từ 1.1.2012 đến 31.12.2012 VNĐ	Từ 29.7.2011 đến 31.12.2011 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu phí và hoa hồng	13.284.701.449	143.516.000
02	Thu từ các khoản nợ phí và hoa hồng	1.310.556	-
04	Thu từ các hoạt động khác	667.904.112	1.321.446.724
06	Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của hoạt động bảo hiểm	(4.337.242.075)	-
07	Trả người bán, người cung cấp dịch vụ	(21.804.351.292)	(14.037.654.625)
08	Trả cho nhân viên	(17.371.707.181)	(2.590.830.477)
09	Nộp Ngân sách Nhà nước	(30.830.312.348)	(944.715.223)
10	Thanh toán các khoản nợ khác	(2.137.198.003)	-
11	Tạm ứng cho nhân viên và các nhà cung cấp	(8.138.706.620)	(2.656.245.636)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(70.665.601.402)	(18.764.483.237)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền thu từ khoản tiền gửi đến hạn và đầu tư	-	29.000.000.000
22	Thu lãi tiền gửi	74.566.611.390	55.291.953.268
24	Tiền đầu tư vào trái phiếu, tiền gửi có kỳ hạn	(559.352.787.520)	(41.000.000.000)
25	Mua sắm tài sản cố định	(6.080.391.904)	(2.170.701.926)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(490.866.568.034)	41.121.251.342
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Thu từ các chủ sở hữu góp vốn	-	800.000.000.000
33	Thu lãi tiền gửi từ các tài khoản thanh toán	134.623.262	10.468.130
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	134.623.262	800.010.468.130
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(561.397.546.174)	822.367.236.235
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	822.367.236.235	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	260.969.690.061	822.367.236.235


Bà Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng


Ông Dương Quang Khánh
Phó Tổng Giám đốc




Ông Wenyi Lu
TUQ. Tổng Giám đốc
Chuyên gia tính toán
Ngày 26 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietinbank Aviva (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 64 GP/KDBH ngày 29 tháng 7 năm 2011 do Bộ tài chính cấp với thời hạn 50 năm kể từ ngày cấp.

Công ty là một công ty TNHH hai thành viên trở lên và là liên doanh giữa Aviva International Holdings Limited, một công ty được thành lập tại Anh và Aviva Ltd., một công ty được thành lập tại Singapore và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Vietinbank”), một ngân hàng được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam.

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm tử kỳ và các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ, bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người, tái bảo hiểm nhân thọ, đầu tư trái phiếu, cổ phiếu, bất động sản phù hợp với Luật Bảo hiểm và các quy định áp dụng cho các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 59 nhân viên (Ngày 31 tháng 12 năm 2011: 42 nhân viên).

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn lập dựa trên nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam (“VNĐ”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản đầu tư và thu nhập từ hoạt động đầu tư

(a) Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có thời gian đáo hạn ban đầu trong vòng 12 tháng. Đầu tư ngắn hạn được thể hiện theo giá gốc.

(b) Đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư vào trái phiếu được phân loại là đầu tư dài hạn khi những khoản đầu tư này được Công ty nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư trái phiếu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có bằng chứng về sự giảm giá trị dài hạn của các chứng khoán hoặc Công ty không thể thu hồi khoản đầu tư. Các khoản phụ trội hoặc triết khấu phát sinh từ việc mua trái phiếu được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho giai đoạn từ ngày mua đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là tiền gửi ngân hàng có thời gian đáo hạn lớn hơn 12 tháng. Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả kinh doanh, được tính theo tỷ lệ thời gian đã gửi với lãi suất thực tế của từng giai đoạn.

2.7 Phí bảo hiểm

Đối với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ thì phí bảo hiểm gốc được ghi nhận vào ngày rủi ro bảo hiểm được chấp nhận, bao gồm phí bảo hiểm gốc phải thu.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị tài sản trong thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Thiết bị văn phòng	14%
Máy tính và các thiết bị CNTT	33%
Trang thiết bị, nội thất	14%
Phần mềm	33%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012****2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****2.8 Tài sản cố định (tiếp theo)***Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.9 Dự phòng nghiệp vụ

- a) Dự phòng phí chưa được hưởng được lập theo phương pháp tuyến tính trên cơ sở thời gian bảo hiểm theo hướng dẫn của Thông tư 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012. Dự phòng phí chưa được hưởng chỉ được lập cho các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn dưới 1 năm.
- b) Dự phòng toán học được xác định một cách riêng rẽ cho từng sản phẩm, được tính dựa trên các giả định và các phương pháp thận trọng của chuyên gia tính phí của công ty, đã được đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận.
- c) Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết ("NBNA") như đã đăng ký với Bộ Tài chính và dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường ("IBNR"), tại ngày lập báo cáo, theo hướng dẫn của Thông tư 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012.

Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết được trích lập cho từng hồ sơ cá nhân. Mức trích lập được ước tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ cá nhân đã thông báo yêu cầu bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.

- d) Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập hàng năm là 1% từ lợi nhuận trước thuế, cho đến khi bằng 5% của phí thu được trong năm tài chính đó.

2.10 Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập ở mức 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi số dư dự trữ đạt 10% vốn điều lệ của Công ty theo Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 do Chính phủ ban hành.

2.11 Chi phí hoa hồng

Chi phí hoa hồng là các khoản thanh toán cho các đại lý bảo hiểm. Chi phí được tính trên cơ sở tổng phí bảo hiểm và dựa trên cơ sở trích trước.

2.12 Chi bồi thường bảo hiểm

Chi bồi thường bảo hiểm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012****2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****2.13 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng bồi hoàn pháp lý được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính.

2.14 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.15 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**
3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Tiền mặt	38.072.000	16.562.000
Tiền gửi ngân hàng	2.672.374.311	2.350.674.235
Các khoản tương đương tiền	258.259.243.750	820.000.000.000
	<u>260.969.690.061</u>	<u>822.367.236.235</u>

4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Khoản đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng trong nước có thời gian đáo hạn ban đầu không quá 12 tháng.

5 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Lãi phải thu – Các bên liên quan (Thuyết minh 24(b))	6.323.732.762	8.675.333.333
Lãi phải thu – Bên thứ ba	28.306.485.542	-
Phí bảo hiểm	345.274.000	-
Thu nhập khác	19.162.815	-
	<u>34.994.655.119</u>	<u>8.675.333.333</u>

6 PHẢI THU KHÁC

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Tạm ứng cho các bên liên quan (Thuyết minh 24(b))	9.061.472.234	1.678.538.048

7 TẠM ỨNG

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Ứng trước cho nhà cung cấp	6.275.000	649.194.000
Tạm ứng cho nhân viên	60.200.000	109.017.550
	<u>66.475.000</u>	<u>758.211.550</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**
8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31.12.2012	31.12.2011
	VNĐ	VNĐ
Chi phí thuê văn phòng	1.066.638.000	1.070.968.140
Chi phí khác	68.904.000	-
	<u>1.135.542.000</u>	<u>1.070.968.140</u>

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Thiết bị văn phòng VNĐ	Thiết bị CNTT VNĐ	Trang thiết bị, nội thất VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá				
Tại ngày 1.1.2012	215.632.648	1.355.549.686	109.854.472	1.681.036.806
Mua mới trong năm	321.533.768	4.404.667.476	473.210.088	5.199.411.332
	<u>537.166.416</u>	<u>5.760.217.162</u>	<u>583.064.560</u>	<u>6.880.448.138</u>
Tại ngày 31.12.2012				
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1.1.2012	16.373.636	232.728.632	8.250.438	257.352.706
Khấu hao trong năm	74.783.667	1.145.015.155	28.153.281	1.247.952.103
	<u>91.157.303</u>	<u>1.377.743.787</u>	<u>36.403.719</u>	<u>1.505.304.809</u>
Tại ngày 31.12.2012				
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1.1.2012	199.259.012	1.122.821.054	101.604.034	1.423.684.100
Tại ngày 31.12.2012	<u>446.009.113</u>	<u>4.382.473.375</u>	<u>546.660.841</u>	<u>5.375.143.329</u>

(b) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm VNĐ
Nguyên giá	
Tại ngày 1.1.2012	2.589.198.899
Mua mới trong năm	1.505.933.000
	<u>4.095.131.899</u>
Tại ngày 31.12.2012	
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1.1.2012	17.252.835
Khấu hao trong năm	1.214.420.516
	<u>1.231.673.351</u>
Tại ngày 31.12.2012	
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1.1.2012	2.571.946.064
Tại ngày 31.12.2012	<u>2.863.458.548</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

10 ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Đầu tư vào trái phiếu (*)	75.503.126.931	-
Tiền gửi dài hạn (**)	400.000.000.000	-
	<u>475.503.126.931</u>	<u>-</u>

(*) Trong năm 2012, Công ty đã mua 800.000 trái phiếu của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") với mục đích giữ đến ngày đáo hạn. Mệnh giá trái phiếu là 100.000 đồng/ trái phiếu với lãi suất coupon là 10,33% và sẽ đáo hạn vào ngày 19 tháng 5 năm 2016.

(**) Tiền gửi dài hạn là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng trong nước, có thời gian đáo hạn là trên 1 năm.

11 KÝ QUỸ BẢO HIỂM BẮT BUỘC

Theo Nghị định số 46/2007/ND-CP, Công ty phải đảm bảo có khoản tiền gửi tại ngân hàng tương đương 2% vốn pháp định tối thiểu là VNĐ 600.000.000.000 được quy định đối với các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Bên liên quan (Thuyết minh 24(b))	2.977.677.790	10.680.000
Bên thứ ba	445.104.141	1.542.611.104
	<u>3.422.781.931</u>	<u>1.553.291.104</u>

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	-	227.275
Thuế thu nhập cá nhân	690.992.295	374.443.043
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.024.764.576	9.533.784.336
	<u>1.715.756.871</u>	<u>9.908.454.654</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

14 DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM

	Dự phòng toán học VNĐ	Dự phòng phí chưa được hưởng VNĐ	Dự phòng bồi thường VNĐ	Dự phòng đảm bảo cân đối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 01.01.2012	-	-	-	7.175.800	7.175.800
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh	4.466.549.979	57.349.000	9.306.789	473.234.939	5.006.440.707
Tại ngày 31.12.2012	<u>4.466.549.979</u>	<u>57.349.000</u>	<u>9.306.789</u>	<u>480.410.739</u>	<u>5.013.616.507</u>

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Chi phí CNTT	3.546.896.096	4.172.765.346
Chi phí nhân viên	3.484.289.501	1.916.919.228
Chi phí hỗ trợ phân phối	2.870.361.720	-
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	205.711.000	208.580.440
Thuế nhà thầu	374.877.486	710.570.014
Cải tạo văn phòng	-	813.759.274
Mua tài sản cố định	-	616.639.029
Các chi phí khác	633.895.952	1.209.107.499
	<u>11.116.031.755</u>	<u>9.648.340.830</u>

16 VỐN ĐIỀU LỆ

Theo Giấy phép Đầu tư số 64 GP/KDBH cấp ngày 29 tháng 7 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 800.000.000.000 Đồng, đã góp đủ:

	Vốn đã góp VNĐ	%
Vietinbank	400.000.000.000	50
Aviva International Holdings Limited	320.000.000.000	40
Aviva Ltd	80.000.000.000	10
	<u>800.000.000.000</u>	<u>100</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

17 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp VNĐ	Dự trữ bắt buộc VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 01.01.2012	800.000.000.000	1.430.067.650	27.171.285.358	828.601.353.008
Lợi nhuận trong năm	-	-	35.137.694.251	35.137.694.251
Dự trữ bắt buộc	-	1.756.884.713	(1.756.884.713)	-
Tại ngày 31.12.2012	<u>800.000.000.000</u>	<u>3.186.952.363</u>	<u>60.552.094.896</u>	<u>863.739.047.259</u>

18 CHI PHÍ BẢO HIỂM TRỰC TIẾP KHÁC

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Tăng dự phòng bồi thường	9.306.789	-
Chi phí hoa hồng	1.006.436.000	10.680.000
Chi phí kiểm tra y tế	37.142.000	3.038.000
Chi phí khác	31.200	-
	<u>1.052.915.989</u>	<u>13.718.000</u>

19 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Chi phí nhân viên	7.050.432.850	1.290.320.505
Chi phí khấu hao	121.230.593	13.186.948
Chi phí đào tạo đại lý	699.444.704	195.657.300
Chi phí hỗ trợ đại lý	7.161.469.833	48.716.040
Chi phí marketing quảng cáo	1.778.859.000	2.128.745.640
Chi phí công tác	1.395.201.608	143.457.990
Chi phí duy trì mạng lưới	805.780.349	161.556.500
Chi phí khác	317.674.326	131.424.426
	<u>19.330.093.263</u>	<u>4.113.065.349</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

20 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Chi phí nhân viên	21.690.124.388	4.822.062.650
Khấu hao	2.341.142.026	261.418.593
Thuê văn phòng	4.455.476.921	3.209.930.820
Chi phí thành lập	-	4.411.129.807
Chi phí CNTT	6.393.239.644	4.731.222.131
Chi phí cải tạo văn phòng	235.531.424	2.902.271.374
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	1.474.420.548	550.538.457
Chi phí công tác	1.853.027.013	203.560.546
Chi phí khác	1.436.749.611	759.371.649
	<u>39.879.711.575</u>	<u>21.851.506.027</u>

21 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Lãi tiền gửi	95.519.078.525	63.977.754.731
Lãi đầu tư trái phiếu	4.702.568.029	-
	<u>100.221.646.554</u>	<u>63.977.754.731</u>

22 THUẾ

Theo quy định hiện hành, Công ty phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% thu nhập chịu thuế.

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	46.850.259.001	38.135.137.344
Thuế tính ở thuế suất 25%	<u>11.712.564.750</u>	<u>9.533.784.336</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho niên độ được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

23 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể khiến cho Công ty chịu một số rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

(a) Rủi ro thị trường

(i) Rủi ro tiền tệ

Hoạt động kinh doanh của Công ty không phải chịu rủi ro lớn từ tỷ giá ngoại tệ do phần lớn các tài sản và công nợ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đều có gốc là Việt Nam Đồng (“VND”).

(ii) Rủi ro giá

Trong năm, Công ty không chịu rủi ro về giá. Công ty cũng không chịu rủi ro về giá của hàng hóa.

(iii) Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất đối với các khoản tiền gửi tại ngân hàng. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam của Công ty có lãi suất không cố định. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu lãi suất tiền gửi Việt Nam đồng giảm 1%, với điều kiện các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận trước thuế của Công ty trong kỳ sẽ giảm đi 3.108.389.916 đồng (2011: 8.361.888.889 đồng) do thu nhập từ lãi tiền gửi giảm.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Công ty. Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

(c) Rủi ro thanh khoản

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 2 năm VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012		
Phải trả người bán và phải trả khác	16.023.738.335	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011		
Phải trả người bán và phải trả khác	13.032.516.658	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**
24 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Thu nhập từ lãi tiền gửi

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Vietinbank	72.349.634.080	63.977.754.731

ii) Mua hàng hóa dịch vụ

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Aviva Ltd - Chi phí CNTT	5.847.748.490	4.172.765.346

iii) Chi hoa hồng

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Vietinbank	1.006.436.000	10.680.000

iv) Giao dịch chi hộ của các bên liên doanh cho Công ty

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Vietinbank		
Chi phí tư vấn	-	3.751.000.000
Thuê văn phòng	-	2.074.086.000
Chi phí cải tạo văn phòng	-	2.032.114.000
Đặt cọc thuê văn phòng	-	483.210.000
Mua tài sản cố định	-	1.376.697.806
Khác	-	129.196.100
Aviva Ltd		
Mua tài sản cố định	-	304.339.000
Đặt cọc thuê văn phòng	-	483.210.000
Chi phí nhân viên	-	605.974.768
Giao dịch khác	-	610.556.530
	<u>-</u>	<u>11.850.384.204</u>

v) Giao dịch chi hộ của Công ty cho bên liên quan

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Aviva Ltd – Chi phí nhân viên	7.382.934.186	1.678.538.048

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

24 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

vi) Lương và các khoản phúc lợi cho Ban Giám đốc

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Lương và các quyền lợi gộp khác	5.092.850.732	1.262.580.000

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư cuối năm với các bên liên quan như sau:

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Tiền gửi tại ngân hàng (Thuyết minh 3)		
Vietinbank	260,931,618,061	822.350.674.235
Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc (Thuyết minh 11)		
Vietinbank	12.000.000.000	12.000.000.000
Phải thu khách hàng (Thuyết minh 5)		
Lãi tiền gửi phải thu từ Vietinbank	6.323.732.762	8.675.333.333
Phải thu khác (Thuyết minh 6)		
Chi phí nhân viên cho Aviva Ltd	9.061.472.234	1.678.538.048
Phải trả người bán (Thuyết minh 12)		
Hoa hồng phải trả Vietinbank	660.762.000	10.680.000
Phải trả Aviva Ltd - Chi phí CNTT	2.316.915.790	-
	2.977.677.790	10.680.000
Chi phí phải trả		
Aviva Ltd		
Chi phí CNTT	3.530.832.700	4.172.765.346
Chi phí nhân viên	-	605.974.768
Mua tài sản cố định	-	304.339.000
Chi phí khác	-	610.556.530
	3.530.832.700	5.693.635.644
Phải trả khác		
Vốn góp vượt quá mức quy định phải trả Aviva International Holding Ltd	-	1.186.552.724
Đặt cọc thuê văn phòng do Aviva Ltd trả hộ	-	483.210.000
	-	1.669.762.724

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

25 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG


Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu cho các cam kết trong tương lai như sau:

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Trong vòng 1 năm	3.713.537.203	4.257.909.696
Từ 1 đến 5 năm	802.773.100	4.612.735.504
	<u>4.516.310.303</u>	<u>8.870.645.200</u>

26 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh đã được điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi trong cách trình bày báo cáo trong năm hiện tại.

Báo cáo tài chính đã được Ban Điều hành duyệt ngày 26 tháng 3 năm 2013.



Bà Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Ông Dương Quang Khánh
Phó Tổng Giám đốc



Ông Wenyi Lu
TUQ. Tổng Giám đốc
Chuyên gia tính toán

